

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ban hành kèm theo Quyết định số 171/2017/QĐ-HĐQT ngày 14/02/2017 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt như Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 171/2017/QĐ-HĐQT ngày 14/02/2017 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Điều 4. Các Ông (Bà) Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các Khối/Trung tâm/Chi nhánh, Trưởng các Ban chức năng (và tương đương) của Tập đoàn Bảo Việt, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các Khối/Ban/Phòng chức năng (và tương đương) của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các thành viên BKS;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TKTH, PCTT.



Đào Đình Thi



PHỤ LỤC 01:
TẬP ĐOÀN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
BAN HÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 171/2017/QĐ-HĐQT
NGÀY 14/02/2017 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
(kèm theo Quyết định số: 594/2017/QĐ-HĐQT ngày 12.1.4/2017
của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt)

Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Trụ sở của Công ty:

a. Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà số 72 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

b. Điện thoại: (84-4) 39289589

Fax: (84-4) 39289590

c. Email: baovietfund@baoviet.com.vn

d. Địa chỉ trang web: www.baovietfund.com.vn” *ms*

MỤC LỤC

Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
Điều 2. Tên gọi của Công ty	6
Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm	6
Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính	5
Điều 5. Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh	7
Điều 6. Thời hạn hoạt động	7
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật	7
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công ty	7
Điều 9. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	8
Điều 10. Vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ	8
Điều 11. Quyền của Chủ sở hữu - Tập đoàn Bảo Việt	8
Điều 12. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu - Tập đoàn Bảo Việt	9
Điều 13. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu - Tập đoàn Bảo Việt	10
Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	11
Điều 15. Hội đồng thành viên	11
Điều 16. Chủ tịch Hội đồng thành viên	13
Điều 17. Tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên	14
Điều 18. Kiểm soát viên	17
Điều 19. Tổng Giám đốc	18
Điều 20. Phó Tổng Giám đốc	20
Điều 21. Kế toán trưởng	19
Điều 22. Không kiêm nhiệm	19
Điều 23. Kiểm toán nội bộ	19
Điều 24. Kiểm soát nội bộ	19
Điều 25. Nghĩa vụ của Người quản lý Công ty	21
Điều 26. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan	22
Điều 27. Lao động	22
Điều 28. Ủy quyền hoạt động	22
Điều 29. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty	23
Điều 30. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty	23

Điều 31. Các đơn vị trực thuộc Công ty	23
Điều 32. Năm tài chính	24
Điều 33. Kế toán, kiểm toán, thuế	24
Điều 34. Phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh	24
Điều 35. Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo	25
Điều 36. Nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị khác của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt	25
Điều 37. Mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị khác của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt	26
Điều 38. Giải thể Công ty	27
Điều 39. Phá sản Công ty	27
Điều 40. Tổ chức lại Công ty	28
Điều 41. Giải quyết tranh chấp nội bộ	28
Điều 42. Hiệu lực của điều lệ	28
Điều 43. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ	28
Điều 44. Điều khoản cuối cùng	29

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 594/2017/QĐ-HĐQT ngày 12/4/2017
của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt)

CHƯƠNG I NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt**” là một tổ hợp doanh nghiệp, bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Bảo Việt, các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc khác có mối quan hệ gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác.

“**Tập đoàn Bảo Việt**” hoặc “**Tập đoàn**” là Chủ sở hữu của Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt. Địa chỉ tại số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103020065 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100111761 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/07/2014.

“**Công ty**” là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, là Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt.

“**Công ty hạch toán phụ thuộc**” là đơn vị kinh doanh không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và nằm trong cơ cấu của Công ty.

“**Công ty con**” là doanh nghiệp hạch toán độc lập do Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông phát hành của doanh nghiệp đó; hoặc Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

“**Công ty liên kết**” là doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp không ở mức chi phối của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Công ty theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký.

“**Cơ quan Nhà nước**” là bất kỳ và toàn bộ các cơ quan sau đây của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, ban ngành hay đơn vị của các đối tượng trên, và bất kỳ và tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, cơ quan hay quan chức khác mà theo ý kiến của Công ty thì sự chấp thuận, phê duyệt, đăng ký, cam kết, tham gia hay xin ý kiến của họ là cần thiết hoặc nên có m

cho bất kỳ việc hay vấn đề gì được nêu hay dự liệu trong Điều lệ này.

“**Các quy định của Tập đoàn**” được hiểu là các quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định ... và các văn bản có hiệu lực khác do Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt và/hoặc tổ chức/cá nhân có thẩm quyền thuộc Tập đoàn Bảo Việt được Đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ủy quyền ban hành.

“**Pháp luật**” là tất cả các văn bản bao gồm Hiến pháp, Bộ luật/Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Quy chế, Quy định và các văn bản khác có hiệu lực pháp luật do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế các văn bản theo từng thời điểm.

“**Hội đồng thành viên**” là Hội đồng thành viên Công ty.

“**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH 12 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010.

“**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua trong kỳ họp thứ 8, khóa XIII.

“**Năm tài chính**” là năm tài chính của Công ty được quy định tại điều 30 Điều lệ này.

“**Ngày thành lập**” là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu tiên.

“**Ngày làm việc**” là các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần, trừ ngày nghỉ theo quy định của pháp luật.

“**Người quản lý Công ty hoặc người quản lý**” là Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.

“**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

“**TNHH**” được hiểu là trách nhiệm hữu hạn.

“**Tổng Giám đốc**” là Tổng Giám đốc Công ty.

“**Tranh chấp**” là bất kỳ tranh luận, tranh chấp, xung đột, khác biệt hay kiện tụng nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Điều lệ này, hiệu lực, việc vi phạm hoặc chấm dứt Điều lệ này.

“**Vốn điều lệ**” là số vốn do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư vào Công ty và được ghi vào Điều lệ Công ty. *my*

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan sẽ được hiểu và áp dụng trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2: Tên gọi của Công ty

2. Tên tiếng Việt của Công ty: **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**

3. Tên tiếng Anh của Công ty: **BaoViet Fund Management Limited Company**

4. Tên giao dịch tiếng Việt của Công ty: **Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt**

5. Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty: **BaoViet Fund**

6. Tên viết tắt của Công ty: **BVF**

7. Logo Công ty:



QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

8. Việc thay đổi tên của Công ty do Tập đoàn Bảo Việt quyết định và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 3: Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của Pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.

3. Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

Điều 4: Địa chỉ trụ sở chính

1. Trụ sở của Công ty:

a. Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà số 72 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

b. Điện thoại: (84-4) 39289589

Fax: (84-4) 39289590

c. Email: baovietfund@baoviet.com.vn

d. Địa chỉ trang web: www.baovietfund.com.vn

2. Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, Công ty có thể thành lập các Công ty con, Chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện. Việc thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện được thực hiện theo quyết định của Tập đoàn Bảo Việt và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Điều 5: Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động:

- a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển nguồn vốn;
- b. Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của Công ty;
- c. Phối hợp tốt với các thành viên trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt để phát huy sức mạnh nhằm đạt được các mục tiêu chung của Tập đoàn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- a. Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán;
- b. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- d. Các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 6: Thời hạn hoạt động

Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 7: Người đại diện theo pháp luật

1. Hội đồng thành viên quyết định cử Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc làm người đại diện theo pháp luật của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của Tập đoàn và Điều lệ này.

2. Người đại diện trước Pháp luật phải thường trú tại Việt Nam, trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo Pháp luật của Công ty và phải báo cáo Hội đồng thành viên Công ty về việc uỷ quyền.

3. Trường hợp bất khả kháng và/hoặc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không có uỷ quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng thành viên Công ty sẽ chỉ định người đại diện theo pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo Các quy định của pháp luật, Các quy định của Tập đoàn và Điều lệ này.

5. Người đại diện theo pháp luật có quyền ký kết hợp đồng nhân danh Công ty. *n*

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty có các quyền sau:

- a. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
- b. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- d. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
- e. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
- f. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
- g. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
- h. Từ chối yêu cầu cung cấp các nguồn lực không theo quy định pháp luật;
- i. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
- j. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
- k. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

1. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, Các quy định của Tập đoàn và Điều lệ này.

2. Công ty có các nghĩa vụ sau:

- a. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- b. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của Tập đoàn Bảo Việt và pháp luật về kế toán, thống kê;
- c. Khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- d. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;
- e. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
- f. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp

và quy định khác của pháp luật có liên quan;

g. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;

h. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

i. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng;

j. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này phải đảm bảo tuân thủ Pháp luật, Điều lệ này và Các quy định của Tập đoàn.

Điều 9: Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước.

2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 10: Vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng Việt Nam (Một trăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Công ty thay đổi vốn điều lệ theo quyết định của Tập đoàn Bảo Việt đảm bảo theo quy định của Pháp luật trong từng thời kỳ.

3. Công ty tăng vốn điều lệ bằng việc Tập đoàn Bảo Việt đầu tư thêm.

4. Tập đoàn Bảo Việt quyết định hình thức tăng, giảm và mức tăng, giảm vốn điều lệ và trong vòng tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc trước khi thực hiện việc tăng vốn điều lệ, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với đầy đủ hồ sơ yêu cầu theo luật định và đảm bảo việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty đáp ứng được các quy định của Pháp luật.

Điều 11: Quyền của Chủ sở hữu - Tập đoàn Bảo Việt

1. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của

Công ty.

3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, bãi nhiệm người đại diện theo uỷ quyền của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty; chấp thuận đề Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, bãi nhiệm Người quản lý Công ty, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Người quản lý Công ty đó theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4. Quyết định các dự án đầu tư phát triển theo quy định tại Quy chế đầu tư và/hoặc Các quy định của Tập đoàn.

5. Thông qua các hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Riêng đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Quy chế đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt và/hoặc Các quy định của Tập đoàn.

6. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

7. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Quyết định thành lập Công ty con, góp vốn vào các công ty khác.

9. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

11. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

12. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

13. Thông qua đề Hội đồng thành viên quyết định cử người đại diện theo pháp luật của Công ty.

14. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, Các quy định của Tập đoàn và Điều lệ này.

Điều 12: Nghĩa vụ của Chủ sở hữu - Tập đoàn Bảo Việt

1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty.

3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Tập đoàn Bảo Việt và tài sản của Công ty.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Tập đoàn Bảo Việt. *h*

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Các quy định của Tập đoàn và Điều lệ này.

Điều 13: Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu - Tập đoàn Bảo Việt

1. Tập đoàn Bảo Việt chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Tập đoàn Bảo Việt sẽ liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, Công ty phải chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

2. Tập đoàn Bảo Việt sẽ không rút lợi nhuận khi Công ty chưa thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Những hạn chế khác theo quy định của Pháp luật, Các quy định của Tập đoàn và Điều lệ này.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 14: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

1. Hội đồng thành viên.
2. Kiểm soát viên.
3. Tổng Giám đốc.

Điều 15: Hội đồng thành viên

1. Tập đoàn Bảo Việt bổ nhiệm từ 3 đến 5 người đại diện theo uỷ quyền với nhiệm kỳ 5 năm để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn Bảo Việt. Hội đồng thành viên bao gồm tất cả những người đại diện theo uỷ quyền. Hội đồng thành viên có thẩm quyền quyết định các nội dung sau:

- Chỉ đạo, kiểm tra giám sát Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Tập đoàn Bảo Việt;

- Quyết định hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên;

- Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

- Quyết định các hợp đồng vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. *m*

Riêng đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Quy chế đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt và/hoặc Các quy định của Tập đoàn.

- Quyết định mức tiền lương của Người quản lý Công ty;
- Thông qua để Tổng Giám đốc quyết định việc tuyển chọn, chấm dứt hợp đồng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật điều động, luân chuyển đối với Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty;
- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền của Hội đồng thành viên;
- Quyết định cử Tổng giám đốc đi học dài hạn trong nước, đi công tác hoặc đi học ở nước ngoài;
- Quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các Ủy ban/Hội đồng (trực thuộc Hội đồng thành viên đề tư vấn, thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp của Hội đồng thành viên), các Khối chức năng (và tương đương), chi nhánh, văn phòng đại diện, các Công ty hạch toán phụ thuộc khác của Công ty;
- Chiến lược phát triển; chiến lược, giải pháp về thị trường, tiếp thị, công nghệ và thương hiệu;
- Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty (bao gồm kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các kế hoạch bộ phận trong các lĩnh vực: đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài sản, đầu tư tài chính, truyền thông – thương hiệu theo từng yêu cầu cụ thể hàng năm của Tập đoàn Bảo Việt);
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc; nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Công ty và quy hoạch bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty;
- Số lượng Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc (và chức danh tương đương), Kế toán trưởng; nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quy hoạch; Quy định mức lương và các lợi ích khác của Giám đốc các Công ty hạch toán phụ thuộc và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của Công ty; Giám đốc Khối/Ban và tương đương của Công ty;
- Quy định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (và các chức danh tương đương) và Kế toán trưởng Công ty;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập;
- Quy chế, Quy định liên quan đến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm những Người quản lý Công ty và các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấp thuận của Tập đoàn Bảo Việt: Quy chế tiền lương; Quy chế tài chính; Quy chế đầu tư; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế đầu tư xây dựng cơ bản và các quy chế khác của Công ty nếu Hội đồng thành viên thấy cần thiết;
- Phương án thay đổi lô gô, thương hiệu, tên gọi của Công ty;
- Cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, yêu cầu *nb*

của Tập đoàn Bảo Việt, quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

2. Việc quyết định các nội dung tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Các quy định của Tập đoàn trong từng thời kỳ.

3. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tập đoàn Bảo Việt về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh;
- d. Không thuộc đối tượng là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý Công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty.

5. Tập đoàn Bảo Việt có quyền thay thế người đại diện theo uỷ quyền bất cứ khi nào.

Điều 16 : Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Tập đoàn Bảo Việt bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng thành viên với nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm chức vụ Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây :

- a. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
- c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;
- d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
- e. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
- f. Được uỷ quyền cho thành viên Hội đồng thành viên khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình;
- g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và Các quy định của Tập đoàn.

3. Trường hợp vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên uỷ quyền bằng văn bản cho

một thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc được thì Tập đoàn Bảo Việt sẽ chỉ định trong số các thành viên còn lại tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Điều 17: Tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên

1. Triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên

a. Các cuộc họp thường kỳ:

Hội đồng thành viên họp mỗi quý một lần. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng thành viên, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày làm việc trước ngày họp dự kiến..

b. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên và không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản về việc họp Hội đồng thành viên trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm Người quản lý của Công ty;
- Hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng thành viên;
- Đa số Kiểm soát viên.

Trong trường hợp này, các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được tiến hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đã đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng thành viên.

d. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Hội đồng thành viên sẽ được tiến hành tại Trụ sở chính Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng thành viên và được sự nhất trí của Hội đồng thành viên.

e. Ngôn ngữ sử dụng tại các cuộc họp Hội đồng thành viên là tiếng Việt.

2. Khách mời dự cuộc họp Hội đồng thành viên

a. Ngoài các Thành viên Hội đồng thành viên, những người là khách mời dự cuộc họp Hội đồng thành viên, và các Thành viên Hội đồng thành viên phải cho phép họ tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên bao gồm:

- Tổng Giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- Những Người quản lý và người lao động khác của Công ty được Chủ

tịch Hội đồng thành viên hoặc tối thiểu 2 Thành viên Hội đồng thành viên mời tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên;

- Người phiên dịch của bất kỳ thành viên Hội đồng thành viên nào.

b. Các khách mời (trừ người phiên dịch) có quyền thảo luận các vấn đề, nhưng không được biểu quyết.

3. Thông báo và chương trình

a. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật phải gửi cho các Thành viên Hội đồng thành viên thông báo bằng văn bản về cuộc họp Hội đồng thành viên trước ít nhất 5 ngày làm việc.

b. Thông báo về cuộc họp Hội đồng thành viên đó phải có thời gian, địa điểm, chương trình và các vấn đề sẽ được thảo luận. Thông báo phải gửi kèm các tài liệu họp. Thông báo phải được sao gửi Tổng Giám đốc và các Kiểm soát viên.

c. Nếu được 2/3 số Thành viên Hội đồng thành viên đồng ý bằng văn bản:

- Thời hạn thông báo theo điểm (a) có thể được bỏ qua hoặc rút ngắn; và/hoặc

- Các yêu cầu về chương trình và thông báo các vấn đề sẽ được thảo luận tại cuộc họp Hội đồng thành viên có thể được bỏ qua.

4. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên

Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ tọa các cuộc họp Hội đồng thành viên. Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên được tổ chức mà Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt không rõ lý do, thì các Thành viên Hội đồng thành viên có mặt có thể lựa chọn một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.

5. Họp bằng công nghệ

a. Các công nghệ sau có thể được sử dụng để tổ chức một cuộc họp Hội đồng thành viên:

- Video;

- Điện thoại;

- Công nghệ khác cho phép mỗi Thành viên Hội đồng thành viên giao tiếp với từng Thành viên Hội đồng thành viên khác; hoặc

- Kết hợp các công nghệ này.

b. Tùy thuộc vào sự chấp thuận trước của Hội đồng thành viên, Công ty phải cung cấp phương tiện và với phí tổn của mình thu xếp công nghệ được dự liệu tại điểm a khoản 5 Điều 17, Điều lệ này cho các Thành viên Hội đồng thành viên có yêu cầu.

c. Trường hợp cuộc họp có sử dụng công nghệ, mỗi Thành viên Hội đồng thành viên có thể thảo luận với các Thành viên Hội đồng thành viên khác: *h*

- Các Thành viên Hội đồng thành viên tham gia được xem là tập hợp cùng nhau tại một cuộc họp và trực tiếp có mặt tại cuộc họp đó; và

- Mọi tiến trình của các cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành theo cách thức họp pháp và có hiệu lực như được tiến hành tại một cuộc họp mà tất cả các Thành viên Hội đồng thành viên có mặt tại cùng một địa điểm.

6. Phiếu Biểu quyết

Các Thành viên Hội đồng thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua quyết định của Hội đồng thành viên bằng việc gửi phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải được gửi trong phong bì dán kín và chuyển đến Chủ tịch Hội đồng thành viên ít nhất là một giờ trước khi khai mạc cuộc họp Hội đồng thành viên. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự hiện diện của tất cả các Thành viên Hội đồng thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên. Trường hợp một Thành viên Hội đồng thành viên gửi phiếu biểu quyết, thì thành viên này được xem là trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng thành viên đó.

7. Người được ủy quyền

a. Một Thành viên Hội đồng thành viên có thể chỉ định một người được ủy quyền để thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại một cuộc họp Hội đồng thành viên. Người được ủy quyền phải là Thành viên Hội đồng thành viên. Một thành viên Hội đồng thành viên có thể được làm người ủy quyền cho nhiều Thành viên Hội đồng thành viên khác;

b. Các Thành viên Hội đồng thành viên khác phải đồng ý về người được ủy quyền nếu giấy ủy quyền được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

c. Việc chỉ định hoặc miễn nhiệm người được ủy quyền phải được lập thành văn bản và phải được gửi cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, và chỉ có hiệu lực sau khi Chủ tịch Hội đồng thành viên nhận được văn bản đó, hoặc trong trường hợp không có Chủ tịch Hội đồng thành viên thì gửi cho từng Thành viên Hội đồng thành viên khác. Văn bản chỉ định người được ủy quyền phải theo mẫu do Công ty quy định;

d. Một Thành viên Hội đồng thành viên chỉ có thể chỉ định một người làm người được ủy quyền;

e. Người được ủy quyền có các quyền hạn và nghĩa vụ như Thành viên Hội đồng thành viên đã ủy quyền.

8. Số thành viên cần thiết để triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên

a. Số thành viên cần thiết cho một cuộc họp Hội đồng thành viên là các Thành viên Hội đồng thành viên trực tiếp có mặt hoặc có người được ủy quyền đại diện ít nhất 2/3 (hai phần ba) Thành viên Hội đồng thành viên trở lên dự họp;

b. Mỗi Thành viên Hội đồng thành viên sẽ có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau tại một cuộc họp Hội đồng thành viên. *nb*